

A A/V
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2278/QĐ-UBND**

Đồng Nai, ngày 04 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Duyệt điều chỉnh số liệu tại Quyết định số 3724/QĐ-UBND
ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt điều chỉnh
cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tái định cư
tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (lần 1)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về
lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2812/TTr-SXD ngày
25/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh số liệu tại Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày
20/10/2017 của UBND tỉnh về việc duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết
xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tái định cư tại xã Phước Tân, thành phố Biên
Hòa, tỉnh Đồng Nai (lần 1) với các nội dung như sau:

1. Điều chỉnh số liệu tại Điều 1

- Điều chỉnh số liệu do sai số thống kê diện tích đất nhà ở liên kế: Diện
tích tại Quyết định đã duyệt là 118.695 m², nay điều chỉnh theo bản vẽ là
116.494m² (giảm 2.201m²). Tổng diện tích đất ở sau điều chỉnh là 218.844m².

- Điều chỉnh số liệu do sai số thống kê diện tích đất công trình công cộng:
Diện tích tại Quyết định đã duyệt là 25.546m², nay điều chỉnh theo bản vẽ là
24.546m² (giảm 1.000m²).

- Điều chỉnh số liệu do sai số thống kê diện tích đất giao thông: Diện tích
tại Quyết định đã duyệt là 209.397m², nay điều chỉnh theo bản vẽ là 209.065m²
(giảm 332,0m²).

2. Cơ cấu sử dụng đất của dự án thay đổi như sau:



STT	Chức năng	Ký hiệu	Theo Quyết định số 3724/QĐ-UBND		Nội dung điều chỉnh		Chênh lệch (m ²)
			Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
I	Đất ở		221.045	44,4	218.844	43,9	-2.201
1	Đất ở kinh doanh		176.605	79,9	174.404	79,7	-2.201
1.1	Nhà liên kế	L	118.696		116.494		-2.201
1.2	Nhà liên kế vườn	LV	10.524		10.524		
1.3	Biệt thự	B	30.324		30.324		
1.4	Chung cư	CT	17.062		17.062		
2	Đất ở tái định cư và Nhà ở XH		44.440	20,1	44.440	20,3	0
2.1	Nhà liên kế tái định cư	LT	24.183		24.183		
2.2	Chung cư nhà ở xã hội	NXH	20.257		20.257		
II	Đất công trình công cộng		25.546	4,9	24.546	4,9	-1.000
1	Công trình giáo dục	GD	19.200		19.200		
2	Văn phòng khu phố	VP	528		528		
3	Công trình thương mại dịch vụ	TM	4.176		4.176		
4	Công trình trụ sở VP	SKC	642		642		
III	Đất cây xanh	CX	43.191	8,7	43.191	8,7	0
1	Cây xanh cách ly	CX1	19.496		19.496		
2	Cây xanh kết hợp hoa viên	CX2	9.941		9.941		
3	Cây xanh kết hợp TDTT	CX3	13.755		13.755		
IV	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	2.272	0,5	2.272	0,5	0
1	Trạm BTS 1	BTS1	238		238		
2	Trạm BTS 2	BTS2	162		162		
3	Trạm xử lý nước thải	HTKT	1.872		1.872		
V	Đất giao thông		209.397	42,1	209.065	42,0	-332,0
	Tổng		497.918	100,0	497.918	100,0	

Điều 2. Các nội dung khác không liên quan đến việc điều chỉnh nêu trên vẫn tuân thủ và thực hiện theo nội dung Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh về việc duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết

xây dựng 1/500 Khu dân cư tái định cư tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (lần 1).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND xã Phước Tân, Lãnh đạo Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng An Hưng Phát, lãnh đạo các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng (CNN);
- Lưu: VT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

